

Số: 535/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 29 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Giải quyết chế độ trợ cấp mai táng phí cho 08 đối tượng trực tiếp
tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Thông tư Liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 726/SLĐTBXH-NCC ngày 23 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải quyết chế độ trợ cấp mai táng phí cho 08 trường hợp là Dân quân du kích và Thanh niên xung phong đã tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, hiện đã từ trần (có danh sách kèm theo). Tổng số tiền trợ cấp là 99.500.000 đồng (Chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Điều 2. Giám đốc các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Đăk Hà, Đăk Tô, Đăk Glei, Sa Thầy, Tu Mơ Rông; thân nhân Ông (Bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *ns*

- Như Điều 2;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Đ/c Nguyễn Hữu Tháp-PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (phụ trách KGVX);
- Lưu VT, KGVX₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tháp



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG CHẾ ĐỘ MAI TÁNG PHÍ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Số TT	Họ và tên người hưởng chế độ	Năm sinh	Họ và tên thân nhân	Mối quan hệ với NCC	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Ngày, tháng, năm từ trần	Mức hưởng (triệu đồng)
01	Chu Văn Thanh	1952	Chu Trịnh Bình	Em ruột	Xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Phường Lê Lợi, TP.Kon Tum, tỉnh Kon Tum	10/01/2012	8,3
02	Y Chom	1934	A Bil	Con đẻ	Xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	Xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum	21/01/2013	10,5
03	A Đua	1940	Y Gói	Vợ	Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	Xã Mô Rai, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum	20/02/2018	13,0
04	Huỳnh Thị Phụng	1953	Mai Văn Thắm	Chồng	Xã Tam Thăng, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Thôn 2, xã Diên Bình, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum	04/3/2019	13,9

10

05	A Doa (Dua)	1948	Y Ôt	Vợ	Xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	Xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum	18/3/2019	13,9
06	ABoang	1945	Y Dứ	Con đẻ	Xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	Xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	28/5/2018	13
07	Y Dơi	1936	A Prang	Chồng	Xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	Xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	04/01/2018	13
08	Y Bôi	1948	Y Yén	Em gái	Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum	19/3/2019	13,9
Cộng								99,5

Handwritten mark